

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 471/2025/N2502.85/3-5

Khách hàng	: Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Địa chỉ	: Cơ sở Khai thác và luyện antimon xuất khẩu Hà Giang tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang
Loại mẫu	: Mẫu nước thải
Ngày lấy mẫu	: 21/02/2025 Ngày thử nghiệm : 21/02/2025 – 26/03/2025
Thông tin về mẫu	: N2502.85/3 (NT3) : Nước thải sản xuất từ nước tháo khô mỏ từ khu vực khai trường N2502.85/4 (NT4) : Nước thải sản xuất từ nước mưa chảy tràn qua bãi đất đá thải số 1 mở rộng được thu gom về hồ lắng chân bãi thải N2502.85/5 (NT5) : Nước thải sản xuất từ nước mưa chảy tràn qua bãi xỉ xường luyện
Tình trạng hoạt động	: Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			GHCP (Cột B, K _q =0,9 K _r =0,9)
				NT3	NT4	NT5	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,89	7,80	6,23	5,5-9
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	75	46	38	81
3	COD	mg/l	SMEWW 5220.C:2023	46	61	<6	121,5
4	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	26	34	<3	40,5
5	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	<0,0015	<0,0015	<0,0015	0,081
6	Hg	mg/l	TCVN 7877:2008	<0,0009	<0,0009	<0,0009	0,0081
7	Pb	mg/l	SMEWW 3111C:2023	<0,0075	<0,0075	<0,0075	0,405
8	Cd	mg/l	SMEWW 3111C:2023	<0,0021	<0,0021	<0,0021	0,081
9	Crom (III)	mg/l	SMEWW 3111B:2023 +SMEWW 3500 Cr.B:2023	<0,09	<0,09	<0,09	0,81
10	Crom (VI)	mg/l	SMEWW 3500 Cr.B:2023	<0,009	<0,009	<0,009	0,081
11	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	<0,012	<0,012	<0,012	2,43
12	Ni	mg/l	SMEWW3111B:2023	<0,018	<0,018	<0,018	0,405
13	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	<0,045	<0,045	<0,045	1,62
14	Fe	mg/l	SMEWW 3111B:2023	1,012	1,224	<0,12	4,05
15	Mn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	<0,048	<0,048	<0,048	0,81
16	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,93	2,72	<0,03	8,1
17	S ²⁻ (tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	<0,15	<0,15	<0,15	0,405

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;
- Các kết quả của thông số hiện trường chỉ có giá trị tại thời điểm quan trắc.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			GHCP (Cột B, K _q =0,9 K _r =0,9)
				NT3	NT4	NT5	
18	Tổng DMK	mg/l	SMEWW 5520B:2023	<1	<1	<1	8,1
19	Tổng Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	2100	1900	950	5000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

CÁN BỘ LẬP PHIẾU



Cao Duy Sơn

QA/QC



Trần Mạnh Quân

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trịnh Quang Hoan



- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;
- Các kết quả của thông số hiện trường chỉ có giá trị tại thời điểm quan trắc.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1600/2025/N2505.96/1-3

Khách hàng	: Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Địa chỉ	: Cơ sở Khai thác và luyện antimon xuất khẩu Hà Giang tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang
Loại mẫu	: Mẫu nước thải
Ngày lấy mẫu	: 29/05/2025 Ngày thử nghiệm : 29/05/2025 – 26/06/2025
Thông tin về mẫu	: N2505.96/3 (NT1): Dòng nước thải số 03 (tương ứng với nguồn số 3): Nước tháo khô mô từ khu vực khai trường được thu gom, đưa qua hệ thống hố lắng 3 ngăn để lắng cặn trước khi thải ra môi trường tiếp nhận N2505.96/4 (NT2): Dòng nước thải số 04 (tương ứng với nguồn số 4): Nước mưa chảy tràn qua bãi đất đá thải số 1 mở rộng được thu gom về hố lắng chân bãi thải để lắng cặn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận N2505.96/5 (NT3): Dòng nước thải số 05 (tương ứng với nguồn số 5): Nước mưa chảy tràn qua bãi xỉ xưởng luyện được thu gom, đưa qua hố lắng hai ngăn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận
Tình trạng hoạt động	: Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			GHCP (Cột B, $K_q=0,9$, $K_r=0,9$)
				NT1	NT2	NT3	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,13	7,41	6,76	5,5-9
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	<15	<15	30	81
3	COD	mg/l	SMEWW 5220.C:2023	<6	6	<6	121,5
4	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	<3	4	<3	40,5
5	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	<0,0015	<0,0015	<0,0015	0,081
6	Hg	mg/l	TCVN 7877:2008	<0,0009	<0,0009	<0,0009	0,0081
7	Pb	mg/l	SMEWW 3111C:2023	<0,0075	<0,0075	<0,0075	0,405
8	Cd	mg/l	SMEWW 3111C:2023	<0,0021	<0,0021	<0,0021	0,081
9	Crom (III)	mg/l	SMEWW 3111B:2023 +SMEWW 3500 Cr.B:2023	<0,09	<0,09	<0,09	0,81
10	Crom (VI)	mg/l	SMEWW 3500 Cr.B:2023	<0,009	<0,009	<0,009	0,081
11	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,019	0,025	2,43
12	Ni	mg/l	SMEWW3111B:2023	<0,018	<0,018	<0,018	0,405
13	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	<0,045	<0,045	<0,045	1,62
14	Fe	mg/l	SMEWW 3111B:2023	<0,12	<0,12	0,288	4,05
15	Mn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	<0,048	<0,048	<0,048	0,81

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;
- Các kết quả của thông số hiện trường chỉ có giá trị tại thời điểm quan trắc.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			GHCP (Cột B, K _q =0,9 K _r =0,9)
				NT1	NT2	NT3	
16	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	<0,03	<0,03	<0,03	8,1
17	S ²⁻ (tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	<0,15	<0,15	<0,15	0,405
18	Tổng DMK	mg/l	SMEWW 5520B:2023	<1	<1	<1	8,1
19	Tổng Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	120	150	120	4.050

Ghi chú:

- QCVN 40:2011: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

QA/QC

Nguyễn Ngọc Ánh

Trần Mạnh Quân



Trịnh Quang Hoàn



1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Kết quả NTP được đánh dấu (*).

4. Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
5. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;
6. Các kết quả của thông số hiện trường chỉ có giá trị tại thời điểm quan trắc.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2446/2025/N2508.85/1-3

Khách hàng	: Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Địa chỉ	: Cơ sở Khai thác và luyện antimon xuất khẩu Hà Giang tại xã Mậu Duệ, tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	: Mẫu nước thải
Ngày lấy mẫu	: 29/08/2025 Ngày thử nghiệm : 29/08/2025 – 24/09/2025
Thông tin về mẫu	: N2505.85/1 (NT1) : Dòng nước thải số 03 (trùng ứng với nguồn số 3): Nước tháo khô mỏ từ khu vực khai trường được thu gom, đưa qua hệ thống hồ lắng 3 ngăn để lắng cặn trước khi thải ra môi trường tiếp nhận N2505.85/2 (NT2) : Dòng nước thải số 04 (trùng ứng với nguồn số 4): Nước mưa chảy tràn qua bãi đất đá thải số 1 mở rộng được thu gom về hồ lắng chân bãi thải để lắng cặn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận N2505.85/3 (NT3) : Dòng nước thải số 05 (trùng ứng với nguồn số 5): Nước mưa chảy tràn qua bãi xỉ xường luyện được thu gom, đưa qua hồ lắng hai ngăn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận
Tình trạng hoạt động	: Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			GHCP (Cột B, $K_q=0,9$, $K_r=0,9$)
				NT1	NT2	NT3	
1	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	73	70	77	81
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6,59	7,09	6,18	5,5-9
3	COD	mg/l	SMEWW 5220.C:2023	13,0	16,0	10,0	121,5
4	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	7,0	9,0	5,0	40,5
5	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	<0,0015	<0,0015	<0,0015	0,081
6	Hg	mg/l	TCVN 7877:2008	<0,0009	<0,0009	<0,0009	0,0081
7	Pb	mg/l	SMEWW 3111C:2023	0,221	<0,0075	<0,0075	0,405
8	Cd	mg/l	SMEWW 3111C:2023	0,042	<0,0021	<0,0021	0,081
9	Crom (III)	mg/l	SMEWW 3111B:2023 +SMEWW 3500 Cr.B:2023	<0,09	<0,09	<0,09	0,81
10	Crom (VI)	mg/l	SMEWW 3500 Cr.B:2023	<0,009	<0,009	<0,009	0,081
11	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,143	0,099	0,068	2,43
12	Ni	mg/l	SMEWW3111B:2023	0,65	<0,018	<0,018	0,405
13	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	<0,045	<0,045	<0,045	1,62
14	Fe	mg/l	SMEWW 3111B:2023	1,297	1,002	0,726	4,05
15	Mn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,409	0,29	0,29	0,81

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;
- Các kết quả của thông số hiện ở rỗng chỉ có giá trị tại thời điểm quan trắc.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			GHCP (Cột B, K _q =0,9 K _r =0,9)
				NT1	NT2	NT3	
16	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	<0,03	<0,03	<0,03	8,1
17	S ²⁻ (tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	<0,15	<0,15	<0,15	0,405
18	Tổng DMK	mg/l	SMEWW 5520B:2023	<1	<1	<1	8,1
19	Tổng Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	1100	950	930	4050

Ghi chú:

- QCVN 40:2011: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 24 tháng 09 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

QA/QC




Cao Duy Sơn

Trần Mạnh Quân



Trịnh Quang Hoàn

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Kết quả NTP được đánh dấu (*)

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.
- Các kết quả của thông số hiện trường chỉ có giá trị tại thời điểm quan trắc.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3295/2025/N2511.96/1-3

Khách hàng	: Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Địa chỉ	: Cơ sở Khai thác và luyện antimon xuất khẩu Hà Giang tại xã Mậu Duệ, tỉnh Tuyên Quang
Loại mẫu	: Mẫu nước thải
Ngày lấy mẫu	: 29/11/2025 Ngày thử nghiệm : 29/11/2025 – 20/12/2025
Thông tin về mẫu	<p>N2511.96/1 (NT1): Dòng nước thải số 03 (tương ứng với nguồn số 3): Nước tháo khô mỏ từ khu vực khai trường được thu gom, đưa qua hệ thống hồ lắng 3 ngăn để lắng cặn trước khi thải ra môi trường tiếp nhận</p> <p>N2511.96/2 (NT2): Dòng nước thải số 04 (tương ứng với nguồn số 4): Nước mưa chảy tràn qua bãi đất đá thải số 1 mở rộng được thu gom về hồ lắng chân bãi thải để lắng cặn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận</p> <p>N2511.96/3 (NT3): Dòng nước thải số 05 (tương ứng với nguồn số 5): Nước mưa chảy tràn qua bãi xỉ xưởng luyện được thu gom, đưa qua hồ lắng hai ngăn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận</p>
Tình trạng hoạt động	: Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			GHCP (Cột B, $K_f=0,9$, $K_r=0,9$)
				NT1	NT2	NT3	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,71	7,01	6,93	5,5-9
2	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	18	17	15	81
3	COD	mg/l	SMEWW 5220.C:2023	7	<6	<6	121,5
4	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	4	<3	<3	40,5
5	As	mg/l	SMEWW 3114B:2023	<0,0015	<0,0015	<0,0015	0,081
6	Hg	mg/l	TCVN 7877:2008	<0,0009	<0,0009	<0,0009	0,0081
7	Pb	mg/l	SMEWW 3111C:2023	0,104	0,102	<0,0075	0,405
8	Cd	mg/l	SMEWW 3111C:2023	0,02	0,02	<0,0021	0,081
9	Crom (III)	mg/l	SMEWW 3111B:2023 +SMEWW 3500 Cr.B:2023	<0,09	<0,09	<0,09	0,81
10	Crom (VI)	mg/l	SMEWW 3500 Cr.B:2023	<0,009	<0,009	<0,009	0,081
11	Zn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,294	0,212	0,07	2,43
12	Ni	mg/l	SMEWW3111B:2023	0,208	0,203	<0,018	0,405
13	Cu	mg/l	SMEWW 3111B:2023	<0,045	<0,045	<0,045	1,62
14	Fe	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,466	0,533	0,755	4,05
15	Mn	mg/l	SMEWW 3111B:2023	0,077	0,061	<0,048	0,81

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;
- Các kết quả của thông số hiện trường chỉ có giá trị tại thời điểm quan trắc.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			GHCP (Cột B, K _q =0,9 K _f =0,9)
				NT1	NT2	NT3	
16	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,75	0,81	0,03	8,1
17	S ²⁻ (tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	<0,15	<0,15	<0,15	0,405
18	Tổng DMK	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	<1	<1	<1	8,1
19	Tổng Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	750	530	460	4050

Ghi chú:

- QCVN 40:2011: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2025

CÁN BỘ LẬP PHIẾU



Nguyễn Ngọc Ánh

QA/QC



Phạm Thị Hương



Trịnh Quang Hoan



- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;
- Các kết quả của thông số hiện trường chỉ có giá trị tại thời điểm quan trắc.